

Số: /KH-UBND

Phù Liễn, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phòng, chống xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn phường Phù Liễn năm 2026

Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, thủy lợi, tài nguyên nước; Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 18/8/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu những tháng cuối năm 2026 và định hướng giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 314/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND phường Phù Liễn về rà soát, cập nhật kịch bản ứng phó với các loại hình thiên tai; xây dựng, hoàn thiện phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn phường Phù Liễn năm 2026; trên cơ sở Kế hoạch số 18/KH-BCH phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2026 của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN&PTDS phường;

Căn cứ đặc điểm tự nhiên, thủy văn, sản xuất nông nghiệp và hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn phường; căn cứ tình hình nguồn nước sông Đa Độ, sông Lạch Tray và nguy cơ tác động của thủy triều, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; Căn cứ chức năng quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn ban hành Kế hoạch phòng, chống xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn phường năm 2026, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Chủ động phòng ngừa, theo dõi, cảnh báo và ứng phó với nguy cơ xâm nhập mặn; bảo vệ nguồn nước ngọt, hạn chế ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân. Lấy sông Đa Độ và hệ thống công trình thủy lợi làm trọng tâm; chủ động kiểm soát nguồn nước, phối hợp vận hành công trình và sử dụng nước hợp lý theo diễn biến thực tế. Tăng cường phối hợp giữa UBND phường, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ và các đơn vị liên quan; ưu tiên bảo đảm nguồn nước cho các khu vực sản xuất phụ thuộc hệ thống Đa Độ. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo phương châm “4 tại chỗ”, hạn chế tối đa nguy cơ đưa nguồn nước nhiễm mặn vào khu vực sản xuất.

2. Yêu cầu

Thực hiện phòng, chống xâm nhập mặn chủ động, kịp thời, từ sớm, nhất là trong thời kỳ triều cường, hạn hán, thiếu nước và nắng nóng kéo dài. Thường xuyên cập nhật thông tin về nguồn nước, mực nước, thủy triều và độ mặn từ cơ quan chuyên môn, đơn vị quản lý công trình để phục vụ chỉ đạo, điều hành. Việc lấy, dẫn, điều tiết và sử dụng nước phải phù hợp với diễn biến nguồn nước và hướng dẫn của đơn vị quản lý; phối hợp thống nhất trong vận hành cống, trạm bơm, không lấy nước khi nguồn nước không bảo đảm yêu cầu. Phân công rõ trách nhiệm, bảo đảm phối hợp kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị, tổ dân phố; thực hiện theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thông tin và rõ thời điểm xử lý”.

II. Đặc điểm địa bàn, nguồn nước và nguy cơ xâm nhập mặn

1. Đặc điểm địa bàn

Phường Phù Liễn là địa bàn đô thị xen kẽ khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, có diện tích tự nhiên khoảng 19,21 km², dân số năm 2026 trên 60.000 người. Trên địa bàn có khu vực núi Cột Cờ, khu dân cư, hệ thống sông, kênh và các công trình thủy lợi.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tương đối lớn, khoảng 491,7 ha, gồm 293,8 ha lúa, 26,14 ha rau màu và 171,76 ha nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn chủ yếu mang tính quy mô gia đình, tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế - xã hội của phường không cao, chỉ chiếm khoảng 3-5% tổng giá trị; phần lớn dân cư làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp và các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ.

Mặc dù giá trị sản xuất nông nghiệp không lớn, khu vực sản xuất vẫn có nhu cầu sử dụng nước đáng kể, nhất là đối với lúa, rau màu và nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc xâm nhập mặn, cần chủ động bảo vệ nguồn nước, tập trung vào các vùng sản xuất phụ thuộc trực tiếp vào sông Đa Độ, bảo đảm không để nước bị nhiễm mặn ảnh hưởng đến sản xuất và môi trường.

2. Hệ thống sông, nguồn nước

2.1. Sông Đa Độ

Sông Đa Độ là một trong hai nguồn sông chính cung cấp nước ngọt cho thành phố Hải Phòng, có vai trò quan trọng đối với bảo đảm an ninh nguồn nước, cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Với khả năng điều tiết, trữ và cung cấp nguồn nước trên hệ thống, sông Đa Độ được xem như nguồn dự trữ nước ngọt quan trọng của thành phố, có ý nghĩa đặc biệt trong các thời kỳ khô hạn, thiếu nước và nguồn nước diễn biến bất thường.

Sông Đa Độ có chiều dài khoảng 49 km, chảy qua địa bàn phường Phù Liễn khoảng 10 km, có quan hệ thủy văn với hệ thống sông Văn Úc và thoát ra biển qua hệ thống công trình thủy lợi ở hạ lưu. Nguồn nước trên sông chịu tác động của chế độ thủy triều, dòng chảy tự nhiên và việc điều tiết, vận hành các công trình thủy lợi trên toàn hệ thống.

Ngoài chức năng cấp nước ngọt phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu dân sinh của thành phố, sông Đa Độ còn cung cấp nguồn nước quan trọng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động sản xuất khác, trong đó có khu vực sản xuất của phường Phù Liễn. Vì vậy, việc bảo vệ chất lượng và trữ lượng nguồn nước sông Đa Độ có ý nghĩa quan trọng, không chỉ đối với sản xuất trên địa bàn phường mà còn đối với an ninh nguồn nước và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ là đơn vị quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi Đa Độ, có vai trò trực tiếp trong quản lý, vận hành, điều tiết và khai thác nguồn nước trên hệ thống theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong công tác phòng, chống xâm nhập mặn, Công ty là đơn vị phối hợp chuyên môn quan trọng với UBND phường Phù Liễn trong việc cung cấp thông tin về diễn biến nguồn nước, mực nước, thủy triều, độ mặn; phối hợp xác định thời điểm và phương thức lấy nước phù hợp; vận hành, điều tiết công trình và triển khai các giải pháp kiểm soát, phòng ngừa xâm nhập mặn.

Do đó, bảo vệ nguồn nước sông Đa Độ, kiểm soát chặt chẽ nguy cơ xâm nhập mặn và sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả là nhiệm vụ thường xuyên, có tính liên vùng và cần được thực hiện đồng bộ giữa UBND phường, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ và các đơn vị, tổ chức có liên quan.

2.2. Sông Lạch Tray

Sông Lạch Tray chảy qua địa bàn phường Phù Liễn khoảng 790 m, thuộc khu vực Ngõ 308 đường Hoàng Quốc Việt. Đây là tuyến sông chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy triều, mực nước và diễn biến dòng chảy theo từng thời kỳ.

Đối với phường Phù Liễn, sông Lạch Tray không phải là nguồn cấp nước chính phục vụ sản xuất nông nghiệp; nguồn nước sản xuất chủ yếu phụ thuộc vào hệ thống sông Đa Độ. Tuy nhiên, do có liên quan đến chế độ thủy văn và thủy triều trên địa bàn, diễn biến mực nước, triều cường và các yếu tố bất thường trên sông Lạch Tray là thông tin cần được theo dõi, cập nhật để phục vụ đánh giá tổng thể nguy cơ ngập úng, biến động nguồn nước và khả năng tác động đến các khu vực dân cư, sản xuất và công trình thủy lợi.

Trong thời kỳ có triều cường, mực nước dâng cao, mưa lớn hoặc thời tiết bất thường, UBND phường phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn theo

đổi chặt chẽ diễn biến trên sông Lạch Tray, kịp thời cập nhật thông tin cảnh báo và chủ động triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, bảo đảm an toàn dân cư, sản xuất và công trình trên địa bàn.

3. Hệ thống công trình lấy và dẫn nước

Hệ thống công trình lấy và dẫn nước trên địa bàn phường Phù Liễn được quản lý theo hai cấp, gồm hệ thống do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ quản lý và hệ thống do UBND phường trực tiếp quản lý.

Hệ thống do Công ty Đa Độ quản lý gồm 06 trạm bơm; 06 tuyến kênh tưới cấp I, tổng chiều dài 3.753 m; 07 tuyến kênh thủy lợi, tổng chiều dài 17.320 m; và 12 cống, công trình điều tiết trên kênh trực chính sông Đa Độ. Hệ thống có chức năng lấy, dẫn, điều tiết và phân phối nguồn nước, đồng thời phục vụ tiêu thoát nước trên địa bàn.

Hệ thống do UBND phường quản lý gồm 136 tuyến kênh và các cống qua kênh, có nhiệm vụ dẫn, phân phối nước đến các khu vực sản xuất và tiêu thoát nước khi cần thiết.

Do sản xuất nông nghiệp trên địa bàn có quy mô không lớn và chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế - xã hội, việc quản lý hệ thống công trình tập trung chủ yếu vào bảo đảm an toàn công trình, duy trì khả năng lấy và dẫn nước, tiêu thoát nước và chủ động ứng phó với các diễn biến bất thường của nguồn nước.

Các công trình, khu vực cần tập trung rà soát, theo dõi

Để bảo đảm khả năng cấp, dẫn và điều tiết nguồn nước, cần tập trung rà soát, theo dõi các công trình và khu vực có vai trò quan trọng hoặc có nguy cơ chịu tác động khi nguồn nước biến động, gồm:

Sông Đa Độ đoạn chảy qua địa bàn phường và các khu vực liên quan đến việc lấy, điều tiết nguồn nước.

Khu vực kết nối, điều tiết nguồn nước giữa hệ thống Đa Độ và Văn Úc, đặc biệt trong các thời điểm nguồn nước biến động hoặc có nguy cơ xâm nhập mặn.

Các công trình điều tiết, cống trên kênh trực chính sông Đa Độ và các vị trí có vai trò phân phối nguồn nước vào hệ thống kênh nội đồng.

Các trạm bơm Phù Lưu 1 và Phù Lưu 2, cùng các tuyến kênh hút, kênh dẫn và công trình liên quan.

Hệ thống kênh dẫn nước vào khu vực sản xuất, các cống qua kênh và các vị trí cuối kênh, nhằm bảo đảm khả năng dẫn và phân phối nước.

Các khu vực trũng thấp, vùng có khả năng tích trữ nước, cần được theo dõi cả về khả năng cấp nước và tiêu thoát nước.

Các khu vực sản xuất Đồng Rừng, Đầu Sơn, Đồng Tử, Tràng Minh và Phù Lưu, là những khu vực cần chủ động theo dõi khả năng cấp nước phục vụ sản xuất khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc nguồn nước suy giảm.

Nhìn chung, việc rà soát cần được thực hiện theo chuỗi công trình từ nguồn nước – công trình lấy nước – kênh dẫn – công trình điều tiết – khu vực sử dụng nước, qua đó xác định kịp thời các vị trí có nguy cơ thiếu nước, ách tắc dòng chảy, ngập úng hoặc suy giảm chất lượng nguồn nước để có phương án xử lý phù hợp.

Danh mục hệ thống công trình tuy lợi được tổng hợp tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

4. Các yếu tố làm gia tăng nguy cơ xâm nhập mặn

Nguy cơ xâm nhập mặn trên địa bàn phường Phù Liễn chịu tác động tổng hợp của các yếu tố tự nhiên, khí tượng – thủy văn và hoạt động quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, trong đó tập trung vào các yếu tố sau:

Yếu tố tự nhiên, khí tượng – thủy văn: triều cường, nước biển dâng; dòng chảy sông suy giảm trong thời kỳ khô hạn; nắng nóng kéo dài, lượng mưa thấp; hạn hán, thiếu nước làm gia tăng khả năng nước mặn từ hạ lưu truyền ngược theo thủy triều.

Biến động và nhu cầu sử dụng nguồn nước: nhu cầu khai thác, sử dụng nước tăng cao trong thời kỳ khô hạn, trong khi nguồn nước ngọt suy giảm, làm giảm khả năng đẩy mặn và tăng nguy cơ nước mặn xâm nhập sâu vào hệ thống.

Quản lý, vận hành công trình thủy lợi: điều tiết, vận hành công trình chưa phù hợp với diễn biến nguồn nước; lấy nước không đúng thời điểm khi độ mặn tăng cao; đóng, mở cống thiếu đồng bộ giữa các vị trí trên hệ thống, làm gia tăng khả năng đưa nước mặn vào khu vực lấy và dẫn nước.

Hạn chế về thông tin, giám sát: thiếu hoặc chậm thông tin về độ mặn, mực nước, lưu lượng dòng chảy và diễn biến thủy triều, dẫn đến khó chủ động trong quyết định lấy nước, đóng mở cống và điều tiết nguồn nước.

Hiện trạng công trình: một số cống, kênh dẫn, trạm bơm có nguy cơ xuống cấp hoặc chưa bảo đảm đầy đủ khả năng kiểm soát, điều tiết dòng chảy, qua đó làm giảm hiệu quả phòng, chống và kiểm soát xâm nhập mặn.

Trong đó, yếu tố có tính quyết định trực tiếp đối với nguy cơ xâm nhập mặn là sự kết hợp giữa triều cường, suy giảm nguồn nước ngọt trong mùa khô và việc vận hành hệ thống công trình thủy lợi. Vì vậy, cần tăng cường theo dõi độ mặn, mực nước và thủy triều, đồng thời phối hợp chặt chẽ trong vận hành công trình và lựa chọn thời điểm lấy nước phù hợp.

5. Các khu vực, công trình trọng điểm cần theo dõi

Để chủ động phòng, chống xâm nhập mặn, UBND phường tập trung theo

đổi các khu vực, công trình trọng điểm sau:

Khoảng 10 km sông Đa Độ chảy qua địa bàn phường, đặc biệt các vị trí tiếp giáp với cửa lấy nước, kênh dẫn và công trình thủy lợi.

Hệ thống 12 công điều tiết, ngăn triều trên kênh trục chính sông Đa Độ, gồm: Cổng Cầu Nguyệt, Phù Lưu, Phù Lưu 1, Phù Lưu 2, Tiếp Giáp (Đò Vọ), Đàm Vọ, Ông Ngọ, Mỹ Khê (Bắc Hà), Phú Cường, Phù Liễn, Đàm Bàu và Văn Đầu.

Trạm bơm Phù Lưu 1 và Phù Lưu 2, cùng các công trình công, kênh hút và cửa lấy nước liên quan.

Các tuyến kênh dẫn nước, cống qua kênh, khu vực cuối kênh và vùng trũng, có nguy cơ chịu tác động khi nguồn nước suy giảm hoặc độ mặn tăng cao.

Việc theo dõi tập trung vào mực nước, độ mặn, diễn biến thủy triều và khả năng vận hành công trình, làm cơ sở quyết định thời điểm lấy nước, đóng mở cống và chủ động phòng ngừa xâm nhập mặn.

Danh mục chi tiết các khu vực, công trình trọng điểm được tổng hợp tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

IV. Nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống xâm nhập mặn

Công tác phòng, chống xâm nhập mặn trên địa bàn phường Phù Liễn được thực hiện theo phương châm chủ động phòng ngừa, theo dõi, kịp thời cảnh báo và phối hợp xử lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của UBND phường; trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo

Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, thành phố, cơ quan chuyên môn và Đảng ủy phường về phòng, chống hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn. Chủ động xây dựng phương án, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, đơn vị và tổ dân phố; kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó theo diễn biến thực tế. Thường xuyên cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo về nguồn nước, thủy triều, hạn hán và xâm nhập mặn do cơ quan chuyên môn và đơn vị quản lý hệ thống thủy lợi cung cấp.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Tuyên truyền để cán bộ, tổ dân phố và Nhân dân nhận thức đầy đủ về nguy cơ xâm nhập mặn, nhất là trong thời kỳ khô hạn, triều cường và nguồn nước sông suy giảm. Hướng dẫn người dân sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý, không tự ý lấy nước khi có cảnh báo nguồn nước bị nhiễm mặn. Kịp thời thông tin, cảnh báo đến các khu vực có liên quan khi có diễn biến bất thường về nguồn nước hoặc nguy cơ xâm nhập mặn.

3. Theo dõi, giám sát và tiếp nhận thông tin về nguồn nước

UBND phường tổ chức theo dõi diễn biến mực nước, thủy triều và tình hình nguồn nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin về độ mặn từ cơ quan chuyên môn, đơn vị quản lý công trình thủy lợi và các nguồn thông tin chính thức. Do phường không có thiết bị chuyên dụng và năng lực kỹ thuật chuyên sâu để tự quan trắc, phân tích độ mặn, không tự tổ chức đo, đánh giá độ mặn mang tính chuyên môn; việc xác định và cung cấp thông tin về độ mặn thực hiện trên cơ sở số liệu, cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền và đơn vị chuyên môn. Khi có cảnh báo nguồn nước có nguy cơ nhiễm mặn, UBND phường kịp thời thông tin đến các khu vực liên quan và phối hợp triển khai biện pháp ứng phó.

4. Phối hợp quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi

Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ trong theo dõi nguồn nước, vận hành trạm bơm, cống điều tiết và hệ thống kênh dẫn nước. Việc đóng, mở cống, vận hành trạm bơm và lấy nước thực hiện theo quy trình, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và đơn vị quản lý công trình, bảo đảm không đưa nguồn nước có độ mặn cao vào hệ thống. UBND phường phối hợp kiểm tra, phát hiện và thông báo kịp thời các vị trí công trình có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp hoặc không bảo đảm khả năng vận hành.

5. Chủ động bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước

Phối hợp với đơn vị quản lý công trình xác định thời điểm phù hợp để lấy nước, ưu tiên tích trữ nguồn nước ngọt khi điều kiện nguồn nước thuận lợi. Hướng dẫn các khu vực sản xuất sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế thất thoát và sử dụng nước không cần thiết trong thời kỳ nguồn nước khó khăn. Khi có cảnh báo xâm nhập mặn, thực hiện các biện pháp hạn chế lấy nước và sử dụng nguồn nước theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

6. Tổ chức ứng phó khi xảy ra xâm nhập mặn

Khi xuất hiện nguy cơ hoặc xảy ra xâm nhập mặn, UBND phường căn cứ mức độ ảnh hưởng và thông tin cảnh báo của cơ quan chuyên môn để kích hoạt các biện pháp ứng phó phù hợp. Tăng cường thông tin đến các tổ dân phố, khu vực sản xuất và Nhân dân; phối hợp kiểm soát việc lấy và sử dụng nước. Trường hợp diễn biến vượt quá khả năng xử lý của phường, kịp thời báo cáo UBND thành phố và cơ quan chuyên môn để được hướng dẫn, hỗ trợ.

7. Công tác phối hợp và tổ chức thực hiện

UBND phường là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch; các bộ phận chuyên môn, tổ dân phố và đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ theo chức năng được giao. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ là đơn vị phối hợp chuyên môn quan trọng trong cung cấp thông tin nguồn nước, vận hành

và điều tiết hệ thống công trình thủy lợi. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn của thành phố và các đơn vị liên quan trong dự báo, cảnh báo, cung cấp thông tin và xử lý tình huống xâm nhập mặn. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền khi phát sinh tình huống bất thường hoặc vượt quá khả năng xử lý của địa phương.

Nguyên tắc chung: UBND phường tập trung vào công tác chỉ đạo, tuyên truyền, theo dõi, tiếp nhận thông tin, cảnh báo, phối hợp và tổ chức thực hiện; không thay thế chức năng quan trắc, dự báo chuyên sâu hoặc vận hành hệ thống công trình của cơ quan chuyên môn và đơn vị quản lý thủy lợi.

V. Phương án ứng phó theo các cấp độ xâm nhập mặn

Việc ứng phó với xâm nhập mặn trên địa bàn phường Phù Liên được thực hiện theo nguyên tắc chủ động theo dõi, kịp thời cảnh báo, phối hợp xử lý và tổ chức ứng phó theo mức độ ảnh hưởng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của UBND phường. Phường thực hiện theo sự chỉ đạo của Trung ương, thành phố và Đảng ủy phường; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ và các cơ quan, đơn vị liên quan. Việc xác định cấp độ xâm nhập mặn căn cứ chủ yếu vào thông tin, dự báo, cảnh báo và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, không đặt yêu cầu phường tự thực hiện các hoạt động quan trắc, phân tích chuyên sâu.

1. Cấp độ 1 – Theo dõi, cảnh báo

Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thủy triều, mực nước, diễn biến nguồn nước và nguy cơ xâm nhập mặn từ thành phố, cơ quan chuyên môn và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ. Tăng cường tuyên truyền, thông tin đến các tổ dân phố và nhân dân về nguy cơ thiếu nước, xâm nhập mặn; chủ động rà soát các khu vực, công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng, nhất là khu vực ven sông Đa Độ và các cống, trạm bơm trọng điểm.

2. Cấp độ 2 – Chủ động kiểm soát nguồn nước

Khi có cảnh báo nguy cơ xâm nhập mặn, UBND phường tổ chức triển khai các biện pháp theo chỉ đạo của thành phố và Đảng ủy phường; phối hợp với Công ty Đa Độ trong việc vận hành, điều tiết các công trình thủy lợi theo thẩm quyền và hướng dẫn chuyên môn. Chủ động bảo vệ nguồn nước ngọt, hạn chế việc lấy nước vào thời điểm có nguy cơ nhiễm mặn, kiểm tra hệ thống kênh, cống và trạm bơm; đồng thời vận động nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, ưu tiên cho các nhu cầu thiết yếu và sản xuất.

3. Cấp độ 3 – Tổ chức ứng phó khi nguồn nước bị nhiễm mặn

Khi nguồn nước có dấu hiệu hoặc đã bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, phường triển khai phương án ứng phó theo chỉ đạo của cấp trên, tập trung bảo vệ nguồn nước ngọt còn lại và hạn chế thiệt hại. Phối hợp với Công ty Đa Độ và các đơn vị chuyên môn để xác định khu vực, thời điểm cần kiểm soát việc lấy nước;

tổ chức thông báo kịp thời đến các tổ dân phố, hộ dân và các khu vực sản xuất. Ưu tiên bảo đảm nước phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu thiết yếu; đồng thời rà soát, đề xuất hỗ trợ đối với các khu vực có nguy cơ thiếu nước kéo dài.

4. Cấp độ 4 – Ứng phó tình huống xâm nhập mặn nghiêm trọng, kéo dài

Trường hợp xâm nhập mặn diễn biến nghiêm trọng, kéo dài hoặc ảnh hưởng lớn đến nguồn nước và đời sống nhân dân, UBND phường thực hiện đầy đủ các chỉ đạo, phương án của thành phố; chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn, Công ty Đa Độ và các đơn vị liên quan để tổ chức ứng phó. Tập trung bảo đảm an toàn nguồn nước, duy trì các nhu cầu thiết yếu, tăng cường thông tin, tuyên truyền và hướng dẫn nhân dân sử dụng nước tiết kiệm; đồng thời tổng hợp tình hình, đánh giá thiệt hại và kịp thời báo cáo, đề xuất UBND thành phố và cơ quan có thẩm quyền các biện pháp hỗ trợ, xử lý.

Nguyên tắc chung: UBND phường là đầu mối tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phối hợp, thông tin và báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ; việc quan trắc, đánh giá chuyên môn về độ mặn, dự báo diễn biến nguồn nước và vận hành các công trình thủy lợi đầu mối được thực hiện theo thông tin, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn và đơn vị quản lý công trình.

VI. Phân công nhiệm vụ

1. Chủ tịch UBND phường, Trưởng ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự phường

Chỉ đạo chung và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác phòng, chống xâm nhập mặn trên địa bàn phường. Tổ chức triển khai kịp thời các chỉ đạo, cảnh báo của Trung ương, thành phố và Đảng ủy phường; quyết định các biện pháp ứng phó thuộc thẩm quyền. Chỉ đạo các bộ phận, đơn vị và tổ dân phố phối hợp theo dõi nguồn nước, tuyên truyền, kiểm tra công trình và triển khai phương án khi có nguy cơ xâm nhập mặn. Chỉ đạo tổng hợp tình hình, báo cáo cấp có thẩm quyền và đề xuất hỗ trợ khi vượt quá khả năng xử lý của phường.

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự phường

Là đầu mối tham mưu UBND phường tổ chức thực hiện phương án phòng, chống xâm nhập mặn. Theo dõi, tiếp nhận và tổng hợp thông tin cảnh báo về nguồn nước, thủy triều, nguy cơ xâm nhập mặn từ cơ quan chuyên môn và đơn vị quản lý thủy lợi. Tham mưu triển khai các cấp độ ứng phó; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và tổng hợp tình hình, báo cáo UBND phường.

3. Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường

3.1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan thường trực, tham mưu UBND phường tổ chức triển khai, theo dõi và tổng hợp công tác phòng, chống xâm nhập mặn trên địa bàn; chủ trì phối

hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát nguồn nước, khu vực và công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng; tiếp nhận, tổng hợp thông tin chuyên môn, kịp thời tham mưu UBND phường chỉ đạo các biện pháp ứng phó phù hợp.

Phối hợp hướng dẫn sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước, hạn chế thiệt hại sản xuất; tổng hợp tình hình, tham mưu chế độ thông tin, báo cáo và đề xuất xử lý khi tình huống vượt thẩm quyền.

3.2. Phòng Kinh tế

Phối hợp đánh giá ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống kinh tế trên địa bàn; tham mưu các biện pháp phù hợp khi cần thiết.

3.3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến thông tin, hướng dẫn người dân chủ động phòng ngừa và sử dụng nước tiết kiệm.

3.4. Văn phòng HĐND và UBND phường

Bảo đảm công tác thông tin, tổng hợp, tiếp nhận và phát hành văn bản chỉ đạo; phối hợp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3.5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin của phường về tình hình nguồn nước, nguy cơ xâm nhập mặn và các biện pháp ứng phó.

4. Công an phường và Ban Chỉ huy Quân sự phường

Chủ động phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tại các khu vực, công trình trọng điểm khi có tình huống xảy ra.

Sẵn sàng lực lượng phối hợp hỗ trợ nhân dân và các đơn vị triển khai biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả theo chỉ đạo của UBND phường và Ban Chỉ huy Phường, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự phường.

5. Trạm Khai thác công trình thủy lợi Kiến An

Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình nguồn nước, mực nước, thủy triều và nguy cơ xâm nhập mặn trong phạm vi quản lý. Phối hợp với UBND phường trong việc vận hành, điều tiết các công trình thủy lợi theo chức năng, quy trình và chỉ đạo của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ. Kịp thời thông báo cho UBND phường khi phát hiện diễn biến bất thường hoặc nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước trên địa bàn.

6. Các trường học trên địa bàn phường

Chủ động xây dựng phương án bảo đảm nước phục vụ sinh hoạt và hoạt

động dạy học khi xảy ra thiếu nước hoặc xâm nhập mặn. Tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, học sinh sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước và thực hiện các biện pháp phòng ngừa theo hướng dẫn của phường.

7. Các tổ dân phố

Thường xuyên nắm tình hình, tiếp nhận và truyền đạt kịp thời thông tin cảnh báo đến nhân dân. Phối hợp rà soát các khu vực có nguy cơ thiếu nước, ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn; vận động nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước và thực hiện các biện pháp ứng phó. Kịp thời phản ánh tình hình, thiệt hại và các vấn đề phát sinh về UBND phường.

8. Các tổ chức, đơn vị và hộ dân có liên quan

Chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền. Phối hợp với UBND phường và các đơn vị liên quan khi triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do xâm nhập mặn.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp, không chồng chéo trách nhiệm; trường hợp tình huống vượt quá khả năng xử lý của phường, kịp thời báo cáo UBND thành phố và cơ quan chuyên môn để được hướng dẫn, hỗ trợ.

VII. Chế độ thông tin, báo cáo

Theo dõi, cập nhật thông tin: UBND phường thường xuyên tiếp nhận, cập nhật thông tin về mực nước, thủy triều, diễn biến nguồn nước và nguy cơ xâm nhập mặn từ UBND thành phố, cơ quan chuyên môn và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ. Phường không tổ chức quan trắc, phân tích độ mặn chuyên sâu mà sử dụng thông tin, số liệu do cơ quan có thẩm quyền và đơn vị quản lý công trình cung cấp.

Thông tin, cảnh báo: Khi có cảnh báo nguy cơ xâm nhập mặn hoặc thiếu nước, UBND phường kịp thời thông báo đến các phòng, ban, đơn vị, tổ dân phố, trường học và nhân dân bằng các hình thức phù hợp như hệ thống truyền thanh, cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin của phường.

Báo cáo tình hình: Khi xuất hiện diễn biến bất thường, nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước, sản xuất hoặc đời sống nhân dân, các đơn vị, tổ dân phố kịp thời báo cáo UBND phường để tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo UBND thành phố, cơ quan chuyên môn theo quy định.

Báo cáo định kỳ, đột xuất: Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của UBND thành phố, cơ quan chuyên môn và theo diễn biến thực tế của tình hình xâm nhập mặn.

VIII. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn kinh phí phòng, chống thiên tai và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo nguyên tắc đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên cho các nhiệm vụ: thông tin, tuyên truyền và cảnh báo; kiểm tra, rà soát công trình; tổ chức ứng phó, khắc phục các tình huống phát sinh và các nhiệm vụ cần thiết khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp phát sinh nhu cầu vượt khả năng cân đối của phường, UBND phường tổng hợp, báo cáo UBND thành phố và cơ quan có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ theo quy định.

IX. Tổ chức thực hiện

UBND phường tổ chức triển khai Kế hoạch đến các phòng, ban, đơn vị, tổ dân phố và các cơ quan có liên quan; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng và thực hiện các nội dung ứng phó phù hợp. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự phường làm đầu mối theo dõi, tham mưu, đôn đốc và tổng hợp tình hình thực hiện; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung phương án khi tình hình thực tế có thay đổi. Các phòng, ban, đơn vị, trường học, tổ dân phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công; chủ động phối hợp, trao đổi thông tin và báo cáo những vấn đề phát sinh.

UBND phường tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; sau mỗi đợt xâm nhập mặn hoặc cuối năm tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, xác định những tồn tại, hạn chế và đề xuất bổ sung các giải pháp phù hợp cho các năm tiếp theo.

X. Kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị UBND thành phố và Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên cung cấp thông tin, dự báo, cảnh báo về mực nước, thủy triều, diễn biến nguồn nước và nguy cơ xâm nhập mặn; hướng dẫn chuyên môn để UBND phường chủ động triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp.

2. Đề nghị Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ và Trạm Khai thác công trình thủy lợi Kiến An phối hợp chặt chẽ với UBND phường trong cung cấp thông tin nguồn nước, cảnh báo nguy cơ xâm nhập mặn và vận hành, điều tiết các công trình thủy lợi theo quy trình, thẩm quyền và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

3. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn UBND phường về chuyên môn, kỹ thuật và phương án ứng phó theo từng cấp độ; hỗ trợ xử lý các tình huống xâm nhập mặn bất thường, kéo dài hoặc vượt khả năng của phường.

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống xâm nhập mặn trên địa bàn phường Phù Liễn. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc tình huống phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ dân phố kịp thời báo cáo UBND phường để xem xét, chỉ đạo hoặc tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- BCH PCTT-TKCN&PTDS TP; *(Để báo cáo)*
- Sở NN&MT thành phố; *(Để báo cáo)*
- TT ĐU, TT HĐND phường; *(Để báo cáo)*
- CT, các PCT UBND phường;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Đa Độ;
- Trạm Khai thác Công trình thủy lợi Đa Độ;
- BCH PCTT-TKCN&PTDS phường;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT; XD, NN&MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Diện

Phụ lục 01: Danh mục công trình thủy lợi do Công ty Đa Độ quản lý trên địa bàn phường

1. Công trình Trạm bơm

TT	Tên trạm bơm	Tên kênh hút	Địa bàn phục vụ	Số máy	Lưu lượng thiết kế 1 máy (m ³ /h)
1	Phù Lưu 1	Kênh hút TB Phù Lưu 1	1 phường	1	700
2	Phù Lưu 2	Kênh hút TB Phù Lưu 2	1 phường	1	1.200
3	Đồng Sơn	Kênh hút TB Đồng Sơn	1 phường	1	1.200
4	Cầu Xà	Kênh hút TB Cầu Xà	1 phường	1	700
5	Lệ Tảo	Kênh hút TB Lệ Tảo	1 phường	1	540
6	Mạ Giảm	Kênh hút TB Mạ Giảm	1 phường	1	2.500

2. Kênh tưới cấp I sau trạm bơm

TT	Tên Kênh	Địa điểm	Chiều dài (m)
1	Kênh tưới sau TB Phù Lưu 1	TDP Vinh Quang	1.110
2	Kênh tưới sau TB Phù Lưu 2	TDP Cấp Tiến	557
3	Kênh tưới sau TB Đồng Sơn	TDP Đồng Tử 3	300
4	Kênh tưới sau TB Cầu Xà	TDP Đầu Sơn 2	808
5	Kênh tưới sau TB Lệ Tảo	TDP Lệ Tảo 3	670
6	Kênh tưới sau TB Mạ Giảm	TDP Kha Lâm	308
	Tổng số		3.753

3. Công trình Kênh

TT	Tên Kênh	Địa bàn phục vụ	Nhiệm vụ	Chiều dài (m)	Vị trí Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
1	Kênh Đò Vọ 1	Liên phường	Tưới + Tiêu	6.700	Cổng Đình Nam (Kênh Mỹ Khê)	Cổng Đò Vọ (Bờ Đa Độ)	
2	Kênh Đò Vọ 2	Liên phường	Tưới + Tiêu	1.100	Đường Quy Túc	Kênh Đò Vọ 1	
3	Kênh Mỹ Khê	Liên phường	Tưới + Tiêu	6.800	Cổng Mỹ Khê	Cổng Bắc Hà	
4	Kênh Thắng Lợi	Liên xã	Tưới + Tiêu	1.400	Kênh Mỹ Khê	Kênh Đò Vọ 1	
5	Kênh hút TB Phù Lưu 1	1 phường	Cấp nguồn trạm bơm	170	Bờ Kênh trực chính Sông Đa Độ	Trạm bơm Phù Lưu 1	
6	Kênh hút TB Phù Lưu 2	1 phường	Cấp nguồn trạm bơm	160	Bờ Kênh trực chính Sông Đa Độ	Trạm bơm Phù Lưu 2	
7	Kênh hút TB Mạ Giảm	1 phường	Cấp nguồn trạm bơm	190	Kênh Đò Vọ 1	Trạm bơm Mạ Giảm	Đã kê 190m

4. Các công trình trên kênh trực chính Sông Đa Độ

TT	Công trình	Vị trí	Quy mô	
			Số cửa	Khẩu độ
1	Cổng Cầu Nguyệt	Bờ trái	1	1x2,0
2	Cổng Phù Lưu	Bờ trái	1	1x2,4
3	Cổng Phù Lưu 1	Bờ trái	1	1x2,5
4	Cổng Phù Lưu 2	Bờ trái	1	1x1,5
5	Cổng Tiếp Giáp (Cổng Đò Vọ)	Bờ trái	2	2x1,8
6	Cổng Đàm Vọ	Bờ trái	1	1x2,0
7	Cổng Ông Ngo	Bờ trái	1	1x2,0
8	Cổng Mỹ Khê (Cổng Bắc Hà)	Bờ trái	1	1x2,0
9	Cổng Phú Cường	Bờ trái	1	1x2,5
10	Cổng Phù Liễn	Bờ trái	1	1x2,0
11	Cổng Đàm Bàu	Bờ trái	1	1x2,4
12	Cổng Văn Đầu	Bờ trái	1	1x2,0

Phụ lục 02: Danh mục 136 tuyến kênh và cống do UBND phường quản lý

STT	Tên kênh tưới	Địa điểm	Chiều dài, chiều rộng kênh tưới sau trạm bơm	Ghi chú
1.	K.Đồng Quảnh 1	Nam Sơn (cũ)	500x3,5	
2.	K.Đồng Quảnh 2	Nam Sơn (cũ)	270x3,5	
3.	K.Ông Hứa	Nam Sơn (cũ)	240x5	
4.	K.Sông Cộc	Nam Sơn (cũ)	290x5	
5.	K.Đồng Chàm 2	Nam Sơn (cũ)	150x4	
6.	K.Mả Ngô 1	Nam Sơn (cũ)	150x4	
7.	K.Mả Ngô 2	Nam Sơn (cũ)	90x5	
8.	K.Đồng Cốc	Nam Sơn (cũ)	230x5	
9.	K.Đồng Suối	Nam Sơn (cũ)	340x3	
10.	K.Nghĩa Địa Lệ Tảo 3	Nam Sơn (cũ)	140x4	
11.	K.Đồng Chàm 1	Nam Sơn (cũ)	600x5	
12.	K.Đồng Vòi 2	Nam Sơn (cũ)	580x4	
13.	K.Đồng Vòi 1	Nam Sơn (cũ)	600x4,5	
14.	K.Chăn Nuôi	Nam Sơn (cũ)	670x6	
15.	K.Đồng Trụ 3	Nam Sơn (cũ)	180x1,5	
16.	K.Đồng Trụ 4	Nam Sơn (cũ)	200x1,5	
17.	K.Đồng Kênh Thấp	Nam Sơn (cũ)	40x1	
18.	K.Đồng Trụ 2	Nam Sơn (cũ)	120x1	
19.	K.Đồng Kênh Cao 3	Nam Sơn (cũ)	50x1,5	
20.	K.Đồng kênh Cao 2	Nam Sơn (cũ)	120x1,5	
21.	K.Đồng Trụ 1	Nam Sơn (cũ)	130x1	
22.	K.Đồng Kênh Cao 1	Nam Sơn (cũ)	200x1,5	
23.	K.Cửa Ông Thảng	Nam Sơn (cũ)	170x3	
24.	K.Cống ông Hanh	Nam Sơn (cũ)	300x3,5	
25.	K.Vườn Cựu	Nam Sơn (cũ)	280x2	
26.	K.Cửa Cường	Nam Sơn (cũ)	170x1,5	
27.	K.Đồng Kha Lâm	Nam Sơn (cũ)	230x3	
28.	K.Cống ông Xôm	Nam Sơn (cũ)	200x3	

STT	Tên kênh tưới	Địa điểm	Chiều dài, chiều rộng kênh tưới sau trạm bơm	Ghi chú
29.	K.Đường Đồi	Nam Sơn (cũ)	670x2,5	
30.	K.Vườn Vải	Nam Sơn (cũ)	90x2,5	
31.	K.Đường Gạo	Nam Sơn (cũ)	180x2	
32.	K.Đồng Dập	Nam Sơn (cũ)	200x2,5	
33.	K.Đường Đồng Chùa Quỳnh	Nam Sơn (cũ)	140x3	
34.	K.Cửa Chùa Quỳnh	Nam Sơn (cũ)	300x2,5	
35.	K.Chùa Quỳnh	Nam Sơn (cũ)	1.195x6	
36.	K.Đồng Chùa Quỳnh	Nam Sơn (cũ)	200x3,5	
37.	K.Đường Sòi	Nam Sơn (cũ)	150x2	
38.	K.Đường Sòi 2	Nam Sơn (cũ)	90x2	
39.	K.Đầm Ba Bãi	Văn Đầu (cũ)	160x1	
40.	K.Đầm Giồng	Văn Đầu (cũ)	160x1	
41.	K.Đường Thửa	Văn Đầu (cũ)	70x1	
42.	K.Vườn Dù	Văn Đầu (cũ)	391x1	
43.	K.Quán Rạch	Văn Đầu (cũ)	137x5	
44.	K.Nghĩa Trang	Văn Đầu (cũ)	350x2	
45.	K.Thầu Lâu	Văn Đầu (cũ)	70x1	
46.	K.Công Nông 2	Văn Đầu (cũ)	70x2	
47.	K.Công Nông 4	Văn Đầu (cũ)	170x1	
48.	K.Công Nông	Văn Đầu (cũ)	230x4	
49.	K.Hè Kho 2	Văn Đầu (cũ)	160x2	
50.	K.Hè Kho	Văn Đầu (cũ)	230x2	
51.	K.Đường Đỏ	Văn Đầu (cũ)	240x1,5	
52.	K.Đường Đỏ 1	Văn Đầu (cũ)	60x1,5	
53.	K.Đường Đỏ 2	Văn Đầu (cũ)	110x1,5	
54.	K.Đồng Mẫu 1	Văn Đầu (cũ)	240x1	
55.	K.Đồng Mẫu 2	Văn Đầu (cũ)	230x1	
56.	K.Đồng Mẫu 3	Văn Đầu (cũ)	170x1	
57.	K.Đồng Mẫu 4	Văn Đầu (cũ)	150x1	
58.	K.Láng Vện	Văn Đầu (cũ)	240x1	

STT	Tên kênh tưới	Địa điểm	Chiều dài, chiều rộng kênh tưới sau trạm bơm	Ghi chú
59.	K.Láng Vện 1	Văn Đầu (cũ)	100x1	
60.	K.Láng Vện 2	Văn Đầu (cũ)	120x1	
61.	K.Láng Vện 3	Văn Đầu (cũ)	190x1	
62.	K.Vườn Hồng	Văn Đầu (cũ)	140x1	
63.	K.Cổng Hộp Quyết Chiến	Văn Đầu (cũ)	300x2	
64.	K.Quyết Tiến	Văn Đầu (cũ)	140x2	
65.	K.Vườn U	Văn Đầu (cũ)	200x2	
66.	K.Cửa Duyên	Văn Đầu (cũ)	170x1	
67.	K.Đồng Máng 1	Văn Đầu (cũ)	190x1	
68.	K.Đồng Máng	Văn Đầu (cũ)	240x1	
69.	K.Đồng Máng 2	Văn Đầu (cũ)	70x1	
70.	K.Đầu Vũ	Văn Đầu (cũ)	580x4	
71.	K.Lò Gạch	Văn Đầu (cũ)	170x2	
72.	K.Đầu Vũ 2	Văn Đầu (cũ)	950x4	
73.	K.Đầu Vũ 2-1	Văn Đầu (cũ)	280x1,5	
74.	K.Khoa Học 1	Văn Đầu (cũ)	140x1	
75.	K.Khoa Học 2	Văn Đầu (cũ)	170x1	
76.	K.Đường Đông 4	Văn Đầu (cũ)	383x1	
77.	K.Đường Đông 5	Văn Đầu (cũ)	220x2	
78.	K.Đường Đông 2	Văn Đầu (cũ)	80x2	
79.	K.Đường Đông 3	Văn Đầu (cũ)	50x2	
80.	K.Đường Đông 1	Văn Đầu (cũ)	60x2	
81.	K.Đường Đông	Văn Đầu (cũ)	470x2	
82.	K.Đầu Sơn	Văn Đầu (cũ)	182x1	
83.	K.Đường Đượng 1	Văn Đầu (cũ)	145x	
84.	K.Đường Đượng 2	Văn Đầu (cũ)	227x	
85.	K.Cửa Đình 2	Văn Đầu (cũ)	2000x8	
86.	K.Cửa Đình	Văn Đầu (cũ)	1100x4	
87.	K.Kha Lâm 1	Văn Đầu (cũ)	138x	
88.	K.Kha Lâm	Văn Đầu (cũ)	980x	

STT	Tên kênh tưới	Địa điểm	Chiều dài, chiều rộng kênh tưới sau trạm bơm	Ghi chú
89.	K.Mỏ Hến 1	Văn Đầu (cũ)	118	
90.	K.Bãi Giữa	Văn Đầu (cũ)	96	
91.	K.Mỏ Hến 2	Văn Đầu (cũ)	435	
92.	K.Mỏ Hến 2-1	Văn Đầu (cũ)	72	
93.	K.Đầm Phường 1	Văn Đầu (cũ)	119	
94.	K.Đầm Phường 2	Văn Đầu (cũ)	114	
95.	K.Đầm Phường 3	Văn Đầu (cũ)	148	
96.	K.Đầm Phường 4	Văn Đầu (cũ)	190	
97.	K.Hồ Ba	Văn Đầu (cũ)	334	
98.	K.Đường Đỏ	Phù Liễn (cũ)	274x2	
99.	K.Bà Y	Phù Liễn (cũ)	55x3	
100.	K.Đường Đỏ 1	Phù Liễn (cũ)	126x1	
101.	K.Sau Bà Bé	Phù Liễn (cũ)	150x2	
102.	K.Gốc Khế	Phù Liễn (cũ)	140x2,1	
103.	K.Quán Đò	Phù Liễn (cũ)	264x1	
104.	K.Trục chính Đồng Dinh	Phù Liễn (cũ)	1003x3	
105.	K.Đồng Dinh 1	Phù Liễn (cũ)	240x2	
106.	K.Đồng Dinh 2	Phù Liễn (cũ)	120x1,5	
107.	K.Đầm 4	Phù Liễn (cũ)	100x1	
108.	K. Ông Ngọ	Phù Liễn (cũ)	280x3	
109.	K.Lò Mỏ	Phù Liễn (cũ)	1650x6	
110.	K.Đồng Vàng Giữa	Phù Liễn (cũ)	270x5	
111.	K.Đồng Vàng	Phù Liễn (cũ)	229x1.2	
112.	K.Đồng Vàng Cao	Phù Liễn (cũ)	185x1.2	
113.	K.Đường Xung	Phù Liễn (cũ)	125x1	
114.	K.Đồng Móc	Phù Liễn (cũ)	239x1	
115.	K.Hè Đồng Tải	Phù Liễn (cũ)	302x1	
116.	K.Láng Chùa	Phù Liễn (cũ)	193x1	
117.	K.Khu Chân Rau	Tràng Minh (cũ)	330x6	

STT	Tên kênh tưới	Địa điểm	Chiều dài, chiều rộng kênh tưới sau trạm bơm	Ghi chú
118.	K.Bãi Ruồi	Tràng Minh (cũ)	340x5,3	
119.	K.Rặng Xoan	Tràng Minh (cũ)	560x4,8	
120.	K.Rặng Xoan 1	Tràng Minh (cũ)	556x2,1	
121.	K.Rặng Xoan 3	Tràng Minh (cũ)	324x1,2	
122.	K.Đầm Bảy	Tràng Minh (cũ)	326x1,2	
123.	K.Đồng Cống	Tràng Minh (cũ)	92x1	
124.	K.Trại Lợn	Tràng Minh (cũ)	87x1,2	
125.	K.Trại Lợn 2	Tràng Minh (cũ)	460x1	
126.	K.Đồng Lạnh	Tràng Minh (cũ)	160x1,2	
127.	K.Đồng Lạnh 2	Tràng Minh (cũ)	90x1,2	
128.	K.Kẹp đường Dự án 2	Tràng Minh (cũ)	360x1,2	
129.	K.Kẹp đường Dự án 1	Tràng Minh (cũ)	214x1,2	
130.	K.Đường Ngang	Tràng Minh (cũ)	200x1,3	
131.	K.Đường Ngang 2	Tràng Minh (cũ)	165x1	
132.	K.Đường Nước Thái	Tràng Minh (cũ)	960x6,8	
133.	K.Sau UB	Tràng Minh (cũ)	255x1,6	
134.	K.Miếu Móc	Tràng Minh (cũ)	225x1,2	
135.	K.Miếu Móc Trên	Tràng Minh (cũ)	280x1,2	
136.	K.Kẹp đường chùa Đồng Tái	Tràng Minh (cũ)	214x1,2	

**Phụ lục 03: Danh sách các khu vực, công trình trọng điểm cần theo dõi
khi có nguy cơ xâm nhập mặn**

Các công trình trên kênh trực chính Sông Đa Độ

TT	Công trình	Vị trí	Quy mô	
			Số cửa	Khẩu độ
1	Cổng Cầu Nguyệt	Bờ trái	1	1x2,0
2	Cổng Phù Lưu	Bờ trái	1	1x2,4
3	Cổng Phù Lưu 1	Bờ trái	1	1x2,5
4	Cổng Phù Lưu 2	Bờ trái	1	1x1,5
5	Cổng Tiếp Giáp (Cổng Đò Vọ)	Bờ trái	2	2x1,8
6	Cổng Đầm Vọ	Bờ trái	1	1x2,0
7	Cổng Ông Ngọ	Bờ trái	1	1x2,0
8	Cổng Mỹ Khê (Cổng Bắc Hà)	Bờ trái	1	1x2,0
9	Cổng Phú Cường	Bờ trái	1	1x2,5
10	Cổng Phù Liễn	Bờ trái	1	1x2,0
11	Cổng Đầm Bàu	Bờ trái	1	1x2,4
12	Cổng Văn Đầu	Bờ trái	1	1x2,0
